

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài **Tản Mạn Biên Hoà: Đường Về Quê Ngoại** của đồng hương **Hạnh Dương** đóng góp trên diễn đàn. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời thưởng lãm. **Trân trọng.**



Hồ Long Ân

ĐƯỜNG VỀ QUÊ NGOẠI TÂN BA, BIÊN HOÀ Hạnh Dương

Đường về ngoại có nhiều lối đi nhưng lối nào cũng phải qua sông, vì nơi tôi ở là một cù lao nhỏ, được gọi là cù lao Rùa hay cù lao Thạnh Hội, thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà, được bao quanh bởi con sông Đồng Nai. Bên kia bờ là ngôi biệt thự rộng lớn,

khang trang, có hàng rào sắt bao quanh rất đẹp, nổi bật trên bầu trời núi non sông nước, đó là nhà của Ông Phủ Thanh thuộc xã Bửu Long.

Trước nhà có đường đi rộng lớn dọc theo bờ sông, xe cộ chạy qua lại được. Trên bờ sông phía trước ngôi biệt thự có 2 cây me thật lớn, dưới gốc me có 2 tảng đá xanh hình chữ nhật, mặt bằng phẳng được đặt lên hai phiến đá lớn thành hai cái ghế đá để ngồi hóng mát. Dọc theo bờ sông được xây bằng đá xanh rất chắc chắn. Có hai bên nước được xây thành nhiều bậc thang bằng nguyên tảng đá xanh, chiều dài khoảng 2m, bề ngang 4-5 bậc đều đặn trông rất đẹp. Chúng tôi thường gọi là bến đá Bửu Long. Thời đó có nhiều chiếc xà-lan, ghe bầu đậu gần đó để chở đá, rất là tấp nập. Nhưng ngôi nhà này có một thời gian bị bỏ hoang vì chiến tranh. Những người chạy giặc từ Tân Lương, Tân Khánh và vài hộ ở xã Bửu Long vào chiếm mỗi gia đình một góc cột để ở cho đến nhiều năm sau người nhà của Ông mới về lấy lại.

Nhìn xa hơn thấy 2 ngọn núi Bửu Long nằm gần nhau, không cao lắm. Có nhiều tảng đá rộng lớn và nhiều cục đá to nằm chồng lên nhau. Trên mỗi ngọn núi đều có chùa. Núi Bửu Long thì có chùa Bửu Phong, núi chùa Hang thì có chùa Long Sơn Thạch Động. Người ở đây còn gọi là núi Long Ân, vì ngày xưa vua Gia Long lánh nạn trên núi chùa Hang này. Sau đó Bà Phủ Thanh có cho đúc một Đại Hồng Chung cúng cho chùa Hang. Hai ngôi chùa trên hai ngọn núi này được Ông Bà Phủ Thanh xây dựng và chi

phí mọi chuyện. Trước đây trên chùa Bửu Phong có thờ hình hai Ông Bà Phủ trong chùa.

Nói đến núi Bửu Long thì ai là dân Biên Hoà cũng đều biết cả. Hai ngọn núi này có rất nhiều đá xanh mà hầu hết dân thuộc xã Bửu Long và Tân Thành đều sống nhờ vào sự khai thác đá của núi Long Ân.

Tôi cũng không biết Ông Tổ của gia đình tôi từ đâu đến đây. Nhưng tôi biết chắc chắn là họ đến từ ngõ Nhà Bè, ngược dòng sông Đồng Nai và dừng chân bên bờ sông này, bên cù lao nho nhỏ có hình dạng như con rùa mà chung quanh hầu hết đều giáp nhiều làng xã rất phì nhiêu với những ruộng đồng.

Ngày tôi còn bé, người ở đây thường gọi những nơi có dân chúng trú ngụ như là xóm trong, xóm ngoài, xóm trên, xóm dưới và còn một xóm nữa là xóm rừng. Vì xóm đó nằm cạnh cánh rừng. Cánh rừng này nằm trên một ngọn đồi, có nhiều cây gỗ quý lâu năm, cây cối chi chít, chằng chịt. Nơi đây, cũng có một ngôi chùa, nhưng thời chiến tranh ít ai viếng chùa. Người trong làng nói ngọn đồi này hình dáng như mai của con rùa.

Dân chúng ở đây rất thật thà, chất phác và nghèo nàn. Gia đình tôi cũng vậy, sống bằng nghề nông, chân đất tay bùn, cày cấy, trồng trọt đủ loại hoa màu quanh năm. Ăn uống cực khổ với khô, mắm và rau quả mà mình có trồng trong vườn nhà. Tôm cá thì bắt

hoặc mua của người ta bắt dưới sông. Cá đồng như cá tràu, cá trê, cá chạch, ếch, lươn, cua đồng...thì bắt ngoài ruộng. Tôi còn nhớ, có năm trời nóng quá những con cua chịu nước nóng không nổi bò đeo cả chùm trên ngọn lúa. Tôi cứ đem cái thùng tới gần rồi hai tay bụm cua và vuốt bỏ vô thùng. Không bao lâu thì đầy thùng, thấy ham. Còn vũng nước nào cạn cạn thì cá chạch nằm phơi bụng trắng hếu. Mình cứ bắt bỏ vô giỏ đem về làm rồi kho, chiên hoặc nấu canh chua. Vì cá chạch thịt dai dai nên ăn cũng ngon. Mùa mưa, nước ngập đồng người ta thường đặt sa để đón cá từ ruộng này qua ruộng kia. Có năm nhà tôi bắt được nhiều cá, rộng đầy lu, ăn không hết phải đem bán.

Gặt lúa xong, đồng ruộng chỉ còn trơ gốc rạ, đường đến trường cũng ngắn hơn, vì chúng tôi có thể băng tắc trên cánh đồng mênh mông đó. Hoàng hôn xuống, những đống rơm được đốt để lấy tro và trên cánh đồng lác đác những đám khói lam chiều. Từng chiếc xe bò chở những bó rơm đem về chất thành cây rơm, để dành cho trâu ăn. Mưa xuống vài trận, chân cây rơm bị ướt, mục và có nấm rơm. Sáng bung rở đi nhỏ nấm, chiều cũng bung rở nhỏ nấm. Nấm mọc cả dề, tay nấm nào cũng mập, trắng, lớn nhỏ lú nhú, thấy mà ham. Ngày nào cũng canh nấm rơm nấu với mướp, rau bìm bát, rau bùi ngót, canh tập tàn...Nấm rơm chung hột vịt, nấm rơm xào lá lốt, nấm rơm kho tiêu. Đó là những món ăn gần như quanh năm của gia đình tôi. Nấm rơm, nấm môi, măng măng tông, đọt lang, bắp chuối, lá giang là có sẵn trong vườn nhà. Hầu như món mắm nêm là món chánh trong mỗi bữa ăn.

Mỗi năm khoảng sau Tết là có ghe bầu của cô Ba ở miền Tây xuôi theo con nước lớn chở khô, mắm, đặt biệt là mắm nêm lên bán. Xong Cô mua đường tán, đường khạp của gia đình tôi chở về. Cô Ba bói đầu, thường mặt bộ bà ba đen bằng lãnh Mỹ A. Cô có biệt tài làm toán rợ rất nhanh. Mỗi lần cân đường xong là cô mượn một rổ nhỏ cao khô. Cô đổ ra trên bộ ván và dùng những ngón tay búng tới búng lui một lúc là cô có đáp số để cô chung tiền.

Năm nào má tôi cũng lo trữ khô, mắm để ăn quanh năm. Thơm rừng và dưa gan non, mua mấy gánh. Dưa mua về rửa sạch, xẻ đôi, nạo ruột bỏ, phơi héo héo. Thơm cắt miếng phơi dốt dốt. Hai thứ đó trộn chung với mắm nêm bỏ vô lu hay hủ gày lại để ăn quanh năm. Ở nhà quê chủ trương ăn chắc mặc bền.

Làng tôi không có trường học, muốn đi học phải qua làng bên. Học trò ở những làng lân cận cũng đều đến đây học. Đó là làng Tân Ba và đó cũng là quê ngoại của tôi.

Thuở nhỏ khi còn học trường làng. Sáng nào, Má tôi cũng phải dậy thật sớm nấu cơm cho chúng tôi ăn sáng, và gói cho mỗi đứa một gói cơm đem theo ăn trưa. Má tôi chặt một tàu lá chuối tươi hơ qua lửa cho dịu, rồi lau sạch, bỏ cơm nóng vô ép lại vuông vức, một gói cá khô nhỏ cũng bằng lá chuối, để lên gói cơm và cột lại bằng dây chuối hột hình chữ thập và kèm theo đôi đũa nhỏ.

Vậy là chúng tôi chân trần băng đồng ruộng đi học. Đường ruộng thì nhỏ và hẹp đủ một người đi. Hôm nào, gặp trời mưa thì trơn trượt, rất là dễ té, vì thường đi sáng sớm khi trời còn tối. Qua khỏi cánh đồng trên 3 cây số khi trời còn mờ mờ tối, chúng tôi phải mò mẫm đi qua cây cầu khỉ cao, bắt qua con rạch lớn. Nếu ban ngày đứng trên cầu này nhìn qua bên kia bờ là nhà của thầy giáo Phôi thắp thoáng trong vườn chuối, thuộc xã Tân Ba. Qua khỏi cầu một đôi là nhà và vườn cây ăn trái của ông Tám Quế chủ nhà hàng Tuyết Hồng ở đường Hàm Nghi, Biên Hòa. Từ nhà ông Tám Quế nhìn thẳng qua bên kia bờ là vườn của ông bác sĩ Tín và xóm nhà làm đậu hủ, bún và giá đậu xanh ở Tân Ba. Chúng tôi đi khoảng vài trăm mét nữa là tới bến đò mà trời vẫn còn mờ tối. Tôi nhớ có lần bị chìm đò, chúng tôi phải bì bõm lội vào bờ, quần áo ướt hết. May là cũng không xa bờ lắm nên không có đũa nào bị chết đuối. Ở nhà cũng không ai hay biết.

Bến đò bên Tân Ba thì được trải đá đỏ, rộng rãi, sạch sẽ hơn. Xe cam-nhông, xe hơi và xe bò đi từ đường đắp vô tới bến đò để chuyên chở đồ đạc hay lúa gạo. Sau này, ở đây có nhà máy xay lúa của thầy Hai Bé. Tất cả những người ở mấy làng chung quanh đây đều đến đây xay lúa. Gia đình tôi cũng phải chở lúa và chèo chống qua hai dòng nước ngược, xuôi để đến đây xay lúa.

Từ bến đò lên trường cũng gần hai cây số. Chúng tôi phải băng qua khu rừng cấm có rất nhiều cây cổ thụ cao ngất trời. Thường thì chúng tôi phải đi chung với nhau. Vì có nhiều người nói rừng

này có nhiều ma và ma thường treo võng đưa con trên ngọn cây cao, có khi rút cánh tay, có khi rút cái chân, nên chúng tôi rất là sợ. Có hôm đang đi có tiếng động, tụi con trai bỏ chạy, làm chúng tôi chạy theo muốn chết. Thời đó chúng tôi nghĩ có ma thật và người lớn cũng xác nhận như vậy. Vì chiến tranh nhiều người bị giết và chết oan ức. Bây giờ nghĩ lại không biết có đúng không và thấy bắt cười...

Trường tiểu học Tân Ba nằm trên ngọn đồi gần chùa, gần Miếu Ông và Chợ Cũ Tân Ba. Lúc đó, thầy Mã Sám làm hiệu trưởng. Các thầy khác cũng ở chung quanh trường nằm trên ngọn đồi này. Nhà thầy Tiếng ở gần nhà thầy Mã Sám, thầy Thọ, thầy Khai, thầy Leo, thầy Học...Chỉ có cô Mạnh là cất nhà bên đường về Tân Uyên, gần chợ mới Tân Ba. Sau này, có thầy Sanh người Tân Uyên về dạy lớp Nhất và cũng là rể của cô giáo Mạnh. Thầy Sanh còn trẻ nhưng rất tận tâm với học trò. Cuối tuần là thầy tổ chức dạy nấu ăn, làm bánh mứt vui lắm.. Có lẽ lúc đó tôi ham chơi và nghịch ngợm nên bị ăn roi mây hoài. Dù vậy, tôi vẫn kính trọng và không quên ơn thầy.

Mỗi lần đi qua nhà thầy Sám là chúng tôi phải ngã mũ cúi đầu. Dù không có ai trong nhà nhìn thấy, cũng phải làm vậy. Cúc là con gái lớn của thầy, học cùng lớp và cũng là bạn thân của tôi. Thỉnh thoảng Cúc dẫn tôi về nhà ăn cơm. Lần nào ăn cơm ở nhà Cúc cũng có món mắm nêm cá lằm trộn chung với thơm, dưa mắm, sã và tỏi ớt chanh đường. Trời mưa ăn cơm với mắm nêm,

bắt lắm.

Lúc tôi học trường này thì thầy Tiếng đã ở Biên Hoà, nhưng ông bà thân sinh của thầy còn ở trong căn nhà lớn nằm bên trong vườn, chứ không gần đường như nhà thầy Sám và thầy Thọ. Trưa trưa chị em tôi ưa ghé nhà Ông Bà Hai nghỉ ngơi và xin nước uống. Ông Bà rất thương chúng tôi.

Tôi còn nhớ lúc học lớp Nhì "lớp 4" mỗi sáng Thứ Hai chào cờ, học sinh phải mặc đồng phục trắng. Nhà nghèo, tôi không có nguyên bộ, chỉ có mỗi cái quần trắng thôi. Hôm đó tôi mặc cái quần trắng với cái áo nâu có chấm trắng. Trước khi chào cờ thầy nhìn quanh một lượt, rồi thầy đuổi tôi vô trong. Vô lớp tôi tủi thân, chui xuống bàn ngồi khóc thút thít... Một kỷ niệm khó quên... Đến năm lớp Nhứt "lớp 5", tôi có người chị con cậu ở Sài Gòn về quê ở với ngoại, tức Nội của chị. Chị may đồng phục, váy xanh dương, áo trắng cho tôi đi học. Được mang giày Bata và đội nón cối trắng. Tôi thương chị vô cùng.

Thời bốn mươi mấy, năm mươi, còn giã gạo bằng cối đá với chày, tôi thường vừa gạo cho mấy anh mấy chị giã gạo giàn công. Gạo giã bằng tay không trắng lắm. Trước khi giã gạo phải xay lúa. Xay lúa xong phải sần sảy cho sạch mới giã gạo được. Giã xong phải sần lại để lấy những hạt lúa còn sót lại và những hạt gạo nát thì làm tấm, để nấu cơm tấm bì ăn với nước mắm tỏi ớt.

Trước năm 1950, trộm cướp lục lãng thảo khấu cũng nhiều. Nhà ngoại thường bị cướp. Trong nhà ngoại có người cậu rất giỏi võ. Cướp đánh 6 lần và lần thứ 6 họ bắn cậu bị thương lòi ruột. Cậu nằm chờ đò dọc chở xuống nhà thương Biên Hoà, nhưng chờ đò lâu quá cậu trút hơi thở cuối cùng trước khi đò đi qua bên nhà. Thuở ấy, dân làng thường đi xuống chợ Biên Hoà bằng đò dọc. Ai muốn đi thi dậy sớm chuẩn bị sẵn sàng rồi đốt đèn xuống bên nhà mình ngồi chờ. Khi chủ đò thấy đèn thì tấp vào rước khách. Đò thì đi từ Tân Uyên, và rước khách dọc theo hai bên bờ sông để chở xuống bên chợ Biên Hoà.

Ngày xưa ở Tân Khánh có thầy Năm Dục dạy võ nổi tiếng. Ông có mấy người con gái cũng giỏi võ và có một người cháu kêu Thầy bằng cậu cũng rất giỏi võ. Đó là thầy giáo Khai, trước dạy học ở Tân Ba. Sau thầy đổi ra làm hiệu trưởng của trường Tiểu Học Long Thành. Ở đó có nhóm người Chà Châu Giang nuôi dê, thả dê vô trường cho ăn cỏ, phá đồ đạc trong trường, nhưng không có ai dám nói gì cả. Khi thầy đến, các thầy kia nói cho thầy biết nhưng thầy không sợ. Thầy kêu học trò mỗi người đem theo một cây tầm vong vô trường để đuổi dê ra ngoài.

Sau đó, mấy ông chủ dê muốn gặp thầy Khai để nói chuyện. Các thầy trong trường lo sợ, không muốn thầy Khai đi, nhưng thầy vẫn đi đến chỗ hẹn. Họ có bảy người mặt mày hung dữ, lờm thầy và hỏi thầy Khai tại sao không cho dê họ vào trường, rồi họ thách thầy Khai so tài với họ. Họ chọn người giỏi nhất để đấu với thầy

Khai. Đánh với người anh cả của họ mấy hiệp mà sao họ không biết đau. Thầy Khai thấy họ giỏi hơn thầy. Cứ mỗi lần đánh nhau, ông ấy té rồi lom com ngồi dậy đánh tiếp. Mấy lần như vậy không biết mệt. Thầy Khai sực nhớ thầy Năm Dục có dạy là trường hợp như vậy là họ có học gông, phải đánh vô chỗ nhược của họ mới được. Nên thầy đánh vô đốc giọng của họ, họ gông không được. Đánh mới hai cái thì họ bái phục thầy và hứa không cho dê vô trường nữa. Họ xin thầy dạy võ cho họ và họ dạy thầy học gông.

Có lần thầy Khai đi ngang qua rừng Cò Mi bằng xe đạp thì có 3, 4 người "thảo khấu" đón đường thầy. Họ đi vòng vòng nhìn vào chiếc xe đạp của thầy và định làm ầu. Nhưng họ chợt thấy tấm lắc bằng đồng trên cổ xe có tên thầy, liền bỏ chạy.

Thầy Khai có 3 người học trò: 1. Tám Dõng, 2. Ba Móc, và 3. Chín Trừ. Sau khi thượng hương Đình Thần Ông Cù ở Vĩnh Phước về, thầy ông bị bệnh cho đến chết. Hưởng thọ 77 tuổi.

Xin trở lại đường tắt về ngoại. Mỗi lần Má tôi hay chúng tôi muốn về thăm ngoại là phải đi bộ băng ruộng hoặc đi trong xóm và đi qua một quãng đường vắng không có nhà. Chỉ có mò mã và những cây cỏ thụ cao ngất, hoang vắng, thật là rừng rợn. Rồi mới ra tới xóm ngoài đến nhà Bác Tư Sìn hay Bác Năm Thiệt xuống bên ngồi gọi bên nhà ngoại qua rước. Có khi chờ lâu quá phải nhờ Bác Tư hay Bác Năm đưa qua giùm, chứ ở đây không có đò ngang.

Bây giờ mấy Bác đó đã ra người thiên cổ, nhưng tôi tưởng chừng như các bác còn quanh quẩn trên bến sông. Thật là khó quên...

Xong Tiểu Học, chúng tôi được tiếp tục xuống Biên Hoà học trường Trung Học Khiết Tâm. Trường Khiết Tâm ngay Công Trường Sông Phố kế bên nhà thờ, đối diện trường Mỹ Nghệ. Dân quê bị ảnh hưởng chiến tranh, giặc giã, nghèo khó mà được xuống thành để học là mừng lắm. Nhưng thật sự mình không giỏi bằng học sinh ở tỉnh thành. Ở quê, sáng dậy sớm dọn dẹp nhà cửa, cơm nước xong, mới được đi học. Ở nhà đưa qua sông, có hôm cũng phải đi đò. Đem xe đạp xuống xuống hay ghe nhỏ cũng khó khăn. Phần mặc đồ dài trắng nên sợ ướt hoặc lấm bùn. Gặp con nước lớn thì đỡ hơn, còn gặp nước ròng phải nhấc chiếc xe đạp xắn quần lội bùn xuống ghe cũng cực lắm. Sau này Ba qua Bửu Long xin với gia đình thầy Thời cho chúng tôi gửi xe đạp ở đó và đi đò về nhà tiện hơn. Mình sống ở quê thì thấy bất tiện đủ thứ. Nhưng những người ở thành phố về thì thích đi thuyền lắm.

Có lần mấy chị và mấy anh ở Sài Gòn về chơi, muốn đi thuyền trên sông ban đêm. Rồi thì chúng tôi đi thuyền về ngoại chơi vì nhà ngoại cũng ở bên bờ sông làng bên. Đêm đó trời có trăng rất sáng, nước sông đầy, gió nhè nhẹ. Gió mát trăng thanh, ngồi trên thuyền chúng tôi vừa ăn bưởi, ăn mía, vừa ca hát vui cười. Mấy anh chị rất thích. Các anh chị ngạc nhiên vì thấy chúng tôi ở quê mà bài ca nào nói ra chúng tôi cũng biết. Thật ra thì quê và thành chỉ cách nhau có con sông.

Tôi cũng thường chèo ghe đưa Cúc bạn tôi xuống Tân Hạnh thăm người Cô. Cúc ngồi ở mũi thuyền, còn tôi thì chèo lái, hai đứa ngheu ngao nhìn trời xanh mây nước và những đám lục bình với hoa tím tím trôi lững lờ theo dòng nước mà hai đứa thấy lòng reo vui... Đó cũng là những kỷ niệm không bao giờ quên được.

Từ Bửu Long xuống Biên Hoà có mấy cây số, nhưng đạp xe lên hai cái dốc cũng mệt lắm. Vì lúc đó đường lên dốc còn trải đá xanh chưa trán nhựa nên đi cũng khó khăn. Hôm nào đi sớm thì xuống xe dẫn bộ khi lên dốc. Còn đi trễ là phải rán đạp xe lên dốc trên đá xanh lỏm chỏm, thở hổn hển muốn đứt hơi. Như vậy mà ngày nào tôi cũng phải đi bốn bận, chưa kể ngồi chờ đò và gặp lúc mưa to sóng lớn.

Dọc theo đường Bửu Long xuống Tân Thành, hai bên đường người ta che vại san sát với nhau để đập đá. Có người đứng để khẻ những cục đá to ra thành từng miếng nhỏ. Còn những người ngồi thì đập những miếng đó thành những cục nhỏ hơn. Tùy theo kích cỡ người ta muốn. ập đá tính theo năng xuất nên ai cũng chăm chú với công việc của mình, vừa làm vừa trò chuyện thật vui.

Hồi đó chỗ nào cũng có người ngồi đập đá, nhất là gần bờ sông, dưới những tàng cây me cao lớn. Rất là nhộn nhịp. Khúc đường từ Bửu Long xuống Tân Thành vừa quẹo trái, hai bên đường hai

hàng me rợp bóng là nơi những người thợ làm đồ đá với những tiếng đục, đập đá rất sinh động. Từ mộ bia, cối xay bột, những trụ đá xanh làm mã, được tạc bằng những hình Long, Lân, Qui, Phụng, và những hoa văn khác nữa trông rất đẹp và công phu vô cùng. Đặc biệt là những con Kỳ Lân ngậm hạt châu, mà hạt châu lăn tròn trong miệng con Lân được. Họ là những người thợ chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm, làm từ đời Ông Cha cho tới đời con cháu và cho đến bây giờ họ vẫn còn làm. Họ vẫn duy trì cuộc sống bằng nghề này. Đây là những hình ảnh tôi không bao giờ quên.

Tôi thường về ngoại với Cúc bằng xe đạp, đạp tà tà. Có hôm đi ngã Tân Thành lên bến đò Trạm. Từ trường Khiết Tâm lên Tân Thành tới ngã ba vô bến đò Trạm, chúng tôi phải đi qua xóm Lò Nồi. Ở đây người ta làm những cái nồi đất, những ông lò, đủ cỡ lớn, nhỏ. Đặc biệt những bộ nồi đất nho nhỏ thật đẹp, thật dễ thương. Chúng tôi mê lắm. Cứ mỗi lần đi qua là ngừng lại coi một lúc rồi mới đi. Bến đò Trạm có đò đưa qua Tân Ba và đạp xe một đôi nữa là tới nhà ngoại. Mà cũng là chỗ ngã ba sông Đồng Nai chia làm hai nhánh, nhánh lớn chảy về hướng xã Bửu Long, Bình Hoà, Bình Thới...người ta gọi là sông Cái. Nhánh nhỏ chảy về hướng làng Tân Ba, Tân Lương... người ta gọi là sông Con. Hai nhánh sông này ôm trọn cù lao Rùa hay cù lao Thạnh Hội. Nơi đó cũng là quê cha đất tổ mấy đời của giòng họ Mai, Dương chúng tôi.

Từ ngã rẽ vô bến đò Trạm, phía bên tay trái cũng có con đường đất đi vô bến đò Xóm Lá. Vì ở đây có những ngôi nhà lá lụp xụp. Bến đò này đưa người ta qua Tân Hạnh. Ngay bến đò bên kia là trường Tiểu Học Tân Hạnh, quẹo trái xuống Biên Hoà, quẹo phải về Tân Ba, Tân Uyên, Tân Khánh...còn đi thẳng thì vô Bình Trị theo con đường đất đỏ. Nơi đây có cây keo nên người ta thường gọi ngã ba cây keo. Lúc đó Ông lái đò là Ông Năm, ông có cô con gái là cô giáo mà đôi khi cô cũng phụ ông đưa khách sang sông. Ai có đi đò thì khó mà quên được cô lái đò vừa xinh đẹp lại nhu mì.

Có khi chúng tôi đi vòng qua lồi Chợ Đồn. Từ trường chúng tôi đi theo đường Hàm Nghi, ghé qua nhà anh Hai của Cúc nằm giữa nhà hàng Tân Hiệp Quán và Tuyết Hồng, uống nước nghỉ một chút, rồi chúng tôi đạp xe qua cầu Rạch Cát và cầu Gành. Thật ra, qua cầu chúng tôi phải dẫn xe đi bộ hai bên cầu. Đó là lối đi dành cho người đi bộ, được bắt ngang bằng những miếng ván. Đi trên cầu nhìn xuống sông cũng thấy sò sọ. Qua khỏi hai cây cầu chúng tôi đạp xe quẹo phải là về hướng Tân Ba, quẹo trái qua Tân Vạn. Còn đi thẳng đi Tân Bản, qua khỏi chợ Đồn tới Tân Bản và núi Châu Thới nằm bên trái trước mặt. Tiếp tục đi thẳng thì về hướng Thủ Đức, Sài Gòn.

Lúc đó chợ Đồn chưa nổi tiếng về nem nướng và bánh canh đầu cá. Người ta thì khen chợ Đồn có cháo lòng ngon lắm. Ai đi qua cũng ghé ăn tô cháo rồi mới đi. Theo lối Hoá An chúng tôi đạp về

hướng Tân Hạnh tới cầu Lái Bông, vừa qua khỏi cầu một chút, phía bên trái là ngôi nhà khá lớn, đẹp, cổ kính, nằm khuất trong vườn cây là nhà của thầy Thạch. Thầy là Ông thầy thuốc Bắc nổi tiếng ở chợ Biên Hoà. Tướng thầy cao lớn, uy nghi, cốt cách như một Tiên Ông.

Đi khoảng 2 cây số nữa thì gặp cầu Ông Tiếp là ranh giới Tân Hạnh và Tân Ba. Bên kia đầu cầu phía tay mặt là lò gạch của thầy Bảy Ân. Lò gạch rất rộng lớn nằm gần bờ sông và đường đắp nên cũng rất tiện cho việc chuyên chở mua bán. Từ cầu Ông Tiếp nhìn bên phải là ngã ba của sông Đồng Nai, rẽ ra để bao bọc, ôm trọn cù lao Rùa, và đây cũng là bến đò Trạm đưa khách từ Tân Ba qua Bửu Long, Tân Thành, đi tắt xuống Biên Hoà. Nếu quẹo trái đi Bình Hoà, Bến Cá, Công Thanh, Vĩnh Cửu.

Từ cầu Ông Tiếp đi khoảng hơn cây số nữa là tới bụi tre đường vô nhà ngoại. Ngay bụi tre là nhà của Cậu Ba Lô người buôn lái trâu bò, vợ của Cậu là con gái út của thầy Năm Dục dạy võ ở Tân Khánh. Hồi đó, có lần Cậu làm Mợ giận, Mợ vác Cậu kẹp vào bộ ván gỗ, Cậu la làng. Má Cậu sợ Cậu chết phải năn nỉ Mợ, Mợ mới tha cho Cậu. Bây giờ Cậu đã chết, Mợ còn sống nhưng đã già khi nhớ, khi không. Tôi còn nhớ, thời trẻ Mợ cỡi xe Goebel vác 2 cây cày sắt trên vai chạy ngoài đường, ai thấy cũng le lưỡi.

Cạnh nhà Cậu Ba Lô có cái miếu Bà rất linh. Người ta thường gọi là miếu Cây Cây và cho tới bây giờ cây Cây vẫn còn sống. Ngày

xưa Bà thường giáng xuống miếu, nhiều người thấy nên ai cũng sợ. Bên cạnh miếu Bà bây giờ có ngôi thổ mộ của Ông Huỳnh Văn Giao, nhà Quán Quân Quán Vợt Tư Giao nổi tiếng một thời, được đưa vào sử sách trong văn học.

Khoảng năm 1940 tới năm 1950, ông có đi đâu ở Mã Lai, Lào, Pháp và Campuchia...Thuở nhỏ nhà nghèo ông đi lượm banh cho người ta đánh. Khi rảnh, ông tập đánh và dần dần ông đánh giỏi, nổi tiếng. Ông là một người hiền lành, nhân hậu, có từ tâm nên thường giúp đỡ những người nghèo và chia sẻ với mọi người thân cũng như sơ. Lúc tôi còn nhỏ ông thường về nhà ngoại tôi đãi tiệc, mời tất cả những người quen biết, đãi cho người ta ăn phủ phê. Lâu lâu ông mượn 2, 3 chiếc xe đò về rước những người bà con trong làng từ Tân Ba tới Tân Uyên chở xuống Sài Gòn cho đi coi hát bóng và cho đi nhà hàng ăn no nê xong chở về. Ông chở đi Vũng Tàu tắm biển. Cho đi Đà Lạt để nghỉ mát, ngắm cảnh núi rừng và thác đổ. Có khi Ông cho đi Campuchia để coi chùa Vàng, chùa Bạc. Hầu hết những người ở Tân Ba rất kính trọng và quý mến ông vô cùng.

Sau năm 1975 nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi bị giải thể, nên gia đình ông đưa hài cốt của Ông Bà và người anh Hai của ông về Tân Ba, quê quán của ông an táng. Năm đây, nhìn ra đồng Bà Nghè mênh mông, bát ngát... chắc Ông đã yên lòng tìm được giấc ngủ nghìn thu.

Từ đây đến chợ mới Tân Ba chừng 1 cây số nữa. Gần tới ngã ba chợ có tiệm sửa xe đạp của cậu Ba De bên tay mặt, mà một thời tuổi trẻ học trò chúng tôi thường ghé sửa xe đạp. Ngay đây là ngã ba chợ Tân Ba, đi theo hướng tay phải là đi về Tân Lương, Tân Uyên... Còn đi theo hướng tay trái là đi Tân Khánh, Bình Dương. Dân ở làng Tân Ba hầu hết sống bằng nghề nông, siêng năng, cần cù.. họ tạo lập nhà cửa khang trang, ruộng đất cũng như vườn tược.

Từ bụi tre theo đường đất đỏ vào đến bờ sông là nhà Ngoại. Ngoại goá chồng khi ngoại còn trẻ, ở vậy nuôi con. Ai cũng kính nể ngoại vì được nhìn thấy sự đảm đang của người đàn bà nhiều nghị lực và can đảm. Ở quê thời đó trộm cướp đến, người ta thường đánh thùng thiết la làng. Mỗi lần Ông cọp ba móng nổi tiếng về người ta đốt lửa và đánh thùng thiết vang trời để ông cọp sợ chạy đi. Di chuyển là một vấn đề khó khăn thời đó. Vì vậy, gia đình tôi có nhiều người chết vì không đến nhà thương kịp lúc.

Dù sao với tôi quê ngoại là cả bầu trời ấm áp, mỗi lần nhắc đến là cả một trời thương nhớ dẫu yêu.

Tưởng nhớ Cúc người bạn vừa mới mất.

May 2013.

HD.

Hạnh Dương